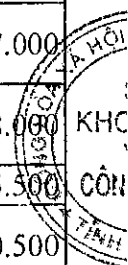


Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 01 năm 2017

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH SỰ NGHIỆP KHOA HỌC NĂM 2017**

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch 2017	Trừ tiết kiệm 10%	Số còn lại được cấp
I	<b>KINH PHÍ NGHIÊN CỨU TRIỂN KHAI ĐTDA KHCN</b>	<b>11.968.615</b>	<b>13.500.000</b>	<b>1.350.000</b>	<b>12.150.000</b>
II	<b>KP SN CẤP QUA VĂN PHÒNG SỞ</b>	<b>5.037.371</b>	<b>7.472.000</b>	<b>754.000</b>	<b>6.718.000</b>
1	<b>Kinh phí quản lý các đề tài, dự án</b>	<b>923.000</b>	<b>1.065.000</b>	<b>106.500</b>	<b>958.500</b>
1	Hoạt động của các hội đồng KH&CN		790.000	79.000	711.000
1.1	Họp hội đồng cấp ngành tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN		40.000	4.000	36.000
1.2	Họp hội đồng KH&CN cấp tỉnh tư vấn xác định nhiệm vụ		40.000	4.000	36.000
1.3	Họp hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét duyệt		300.000	30.000	270.000
1.4	Chi thăm định nội dung, tài chính		85.000	8.500	76.500
1.5	Họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu		330.000	33.000	297.000
2	Chi công tác kiểm tra, đánh giá giữa kỳ ( nghiệm thu giai đoạn)		120.000	12.000	108.000
3	Tổ chức hội thảo, hội nghị		95.000	9.500	85.500
3.1	Hội nghị triển khai nhiệm vụ KH&CN		45.000	4.500	40.500
3.2	Hội nghị đường dẫn xây dựng nhiệm vụ KH&CN năm 2018		45.000	4.500	40.500
4	Phụ cấp cho các thành viên HĐ KHCN tỉnh (21 người)		30.000	3.000	27.000
5	Thông báo tuyển chọn trên Báo HT, Đài PTTH tỉnh		30.000	3.000	27.000
2	<b>Thanh tra KHCN</b>	<b>391.000</b>	<b>380.000</b>	<b>38.000</b>	<b>342.000</b>
1	Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành		365.000	36.500	328.500
1.1	Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo lường và an toàn bức xạ đối với các cơ sở y tế và các doanh nghiệp có sử dụng nguồn bức xạ và phóng xạ		39.500	3.950	35.550
1.2	Thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo lường trong kinh doanh vàng		29.500	2.950	26.550
1.3	Thanh tra về ĐL đối với một số PTĐ nhóm 2		59.000	5.900	53.100
1.4	Thanh tra chuyên đề theo chỉ đạo của Bộ KH&CN		57.000	5.700	51.300



TT	Nội dung	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch 2017	Trừ tiết kiệm 10%	Số còn lại được cấp
1.5	Thanh tra giải quyết KN-TC và theo chỉ đạo (nếu có)		14.000	1400	12.600
1.6	Thanh tra đột xuất trong kinh doanh xăng dầu		33.000	3300	29.700
1.7	Thử nghiệm mẫu		118.000	11800	106.200
1.8	Công tác kiểm tra theo chỉ đạo		15.000	1500	13.500
2	Công tác phổ biến giáo dục pháp luật và ngày pháp luật VN		15.000	1500	13.500
<b>3</b>	<b>Thông tin, thống kê KH&amp;CN</b>	<b>690.000</b>	<b>691.000</b>	<b>69.100</b>	<b>621.900</b>
1	Xuất bản Tập san		189.600	18.960	170.640
2	Bản tin KH&CN với NNNT		140.400	14.040	126.360
3	Công thông tin điện tử		76.800	7.680	69.120
4	Chuyên đề truyền hình, báo Hà Tĩnh		93.600	9.360	84.240
5	Thông kê KH&CN		25.000	2.500	22.500
6	Sách báo, tạp chí, sổ tay		32.000	3.200	28.800
7	Cơ sở dữ liệu		10.000	1.000	9.000
8	Tập huấn đưa thông tin KH&CN về cơ sở		85.600	8.560	77.040
9	Tổ chức tuyên truyền các sự kiện của ngành		38.000	3.800	34.200
<b>4</b>	<b>Tham mưu tư vấn</b>	<b>496.372</b>	<b>550.000</b>	<b>55.000</b>	<b>495.000</b>
1	Tham mưu các đề án, chính sách, VB về QLKH&CN		38.530	3.853	34.677
2	Tham mưu Đề án phát triển CNSH phục vụ quá trình CNH-HĐH kinh tế xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 và những năm tiếp		202.250	20.225	182.025
3	Tham mưu xây dựng Kế hoạch KH&CN tỉnh Hà Tĩnh 2018		25.000	2.500	22.500
4	Khảo sát đánh giá các đề án chính sách về KH&CN		77.420	7.742	69.678
5	Hội nghị Tổng kết ngành năm 2017		48.000	4.800	43.200
6	Tổ chức làm việc với một số ngành, cấp huyện, Doanh nghiệp		158.800	15.880	142.920
<b>5</b>	<b>Hợp tác KH&amp;CN</b>	<b>33.850</b>	<b>500.000</b>	<b>50.000</b>	<b>450.000</b>
1	Tổ chức đoàn công tác theo giấy mời thỏa thuận Hợp tác đã ký kết		120.000	12.000	108.000
2	Tổ chức hội nghị, hội thảo hợp tác QT về KH&CN		20.000	2.000	18.000
3	Tham quan học tập kinh nghiệm Hội nghị, hội thảo KH&CN, liên kết hợp tác KH&CN		200.000	20.000	180.000
4	Hợp tác nghiên cứu KH&CN với 2 tỉnh của Lào		160.000	16.000	144.000

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch 2017	Trừ tiết kiệm 10%	Số còn lại được cấp
6	<b>Quản lý công nghệ</b>	<b>318.126</b>	<b>268.700</b>	<b>26.870</b>	241.830
1	Tổ chức Hội nghị hội thảo tuyên truyền, phổ biến và giới thiệu các văn bản chính sách KH&CN, công nghệ phù hợp với địa		98.700	9.870	88.830
2	Khảo sát, học tập mô hình ứng dụng công nghệ hiệu quả		28.000	2.800	25.200
3	Tổ chức Hội đồng thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận DN		15.900	1.590	14.310
4	Tổ chức các hoạt động xây dựng và phát triển thị trường khoa học và công nghệ		40.000	4.000	36.000
5	Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về QLCN trên địa bàn tỉnh		15.000	1.500	13.500
6	Tham gia các Chợ Công nghệ và Thiết bị, Hội nghị giao ban KH&CN, Trình diễn giới thiệu công nghệ, sản phẩm KH&CN		71.100	7.110	63.990
7	<b>Sở Hữu trí tuệ</b>	<b>143.383</b>	<b>206.700</b>	<b>20.670</b>	<b>186.030</b>
1	Tổ chức Hội thảo, tập huấn về SHTT cho doanh nghiệp, Hội, HTX, công chúng trên địa bàn		72.600	7.260	65.340
2	Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền về SHTT		54.100	5.410	48.690
3	Tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày SHTT thế giới, Ngày Doanh nhân và Ngày KH&CN Việt Nam		40.000	4.000	36.000
4	Triển khai các hoạt động hỗ trợ và phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh		30.000	3.000	27.000
	Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về SHTT trên địa bàn tỉnh		10.000	1.000	9.000
8	<b>An toàn bức xạ hạt nhân</b>	<b>89.426</b>	<b>106.600</b>	<b>10.660</b>	<b>95.940</b>
1	Tổ chức Hội thảo, tập huấn về ATBX cho lãnh đạo, nhân viên bức xạ tại các cơ sở y tế có sử dụng thiết bị bức xạ và các doanh nghiệp sử dụng các thiết bị chứa nguồn phóng xạ trong công nghiệp		61.600	6.160	55.440
2	Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về ATBX trên địa bàn tỉnh		15.000	1.500	13.500

HỘI NGHỊ  
HỌC  
CÔNG NGHỆ  
TỈNH

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch 2017	Trừ tiết kiệm 10%	Số còn lại được cấp
3	Tổ chức các hoạt động triển khai Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân của tỉnh		30.000	3.000	27.000
<b>9</b>	<b>Đào tạo, tập huấn</b>	<b>489.286</b>	<b>734.000</b>	<b>73.400</b>	<b>660.600</b>
1	Đào tạo tập huấn nghiệp vụ về QL Khoa học		96.000	9.600	86.400
2	Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ Thanh tra		45.000	4.500	40.500
3	Đào tạo tập huấn, Hội nghị về thông tin thống kê KH&CN		79.000	7.900	71.100
4	Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ KH-TC		90.000	9.000	81.000
5	Đào tạo, tập huấn KH&CN cấp huyện		75.000	7.500	67.500
6	Đào tạo, tập huấn, Hội nghị về QL Công nghệ		35.000	3.500	31.500
7	Đào tạo, tập huấn, Hội nghị về an toàn bức xạ		30.000	3.000	27.000
8	Đào tạo, tập huấn, Hội nghị về Sở hữu trí tuệ		35.000	3.500	31.500
9	Đào tạo quản lý ISO		65.000	6.500	58.500
	Đào tạo tập huấn về thông tin thống kê KHCN		84.000	8.400	75.600
10	Hội thảo hội nghị toàn quốc		100.000	10.000	90.000
<b>10</b>	<b>Mua sắm, sửa chữa</b>	<b>874.172</b>	<b>900.000</b>	<b>90.000</b>	<b>810.000</b>
1	Thiết bị phục vụ chuyên môn	165.300	700.000	70.000	630.000
2	Sửa chữa sân, nhà xe	708.872		0	0
3	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ		200.000	20.000	180.000
<b>11</b>	<b>Khen thưởng</b>	<b>73.700</b>	<b>100.000</b>	<b>10.000</b>	<b>90.000</b>
1	Khen thưởng thường xuyên		100.000	10.000	90.000
<b>12</b>	<b>Hỗ trợ hoạt động KHCN cấp cơ sở</b>	<b>515.000</b>	<b>935.000</b>	<b>93.500</b>	<b>841.500</b>
1	Thành phố Hà Tĩnh	30.000	35.000	3.500	31.500
2	Huyện Thạch Hà	25.000	30.000	3.000	27.000
3	Huyện Cẩm Xuyên	25.000	30.000	3.000	27.000
4	Huyện Kỳ Anh	25.000	30.000	3.000	27.000
5	Thị xã Kỳ Anh	25.000	30.000	3.000	27.000
6	Huyện Lộc Hà	25.000	30.000	3.000	27.000
7	Huyện Can Lộc	25.000	30.000	3.000	27.000
8	Huyện Đức Thọ	25.000	30.000	3.000	27.000
9	Thị xã Hồng Lĩnh	25.000	30.000	3.000	27.000
10	Huyện Nghi Xuân	25.000	30.000	3.000	27.000
11	Huyện Hương Sơn	25.000	30.000	3.000	27.000
12	Huyện Hương Khê	25.000	30.000	3.000	27.000
13	Huyện Vũ Quang	25.000	30.000	3.000	27.000
14	Bộ chỉ huy QS tỉnh	15.000	20.000	2.000	18.000
15	Công an tỉnh	15.000	20.000	2.000	18.000
18	Hỗ trợ Các tổ chức HD KH&CN	155.000	500.000	50.000	450.000

TT	Nội dung	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch 2017	Trừ tiết kiệm 10%	Số còn lại được cấp
III	<b>HỖ TRỢ CÁC HỘI THI, CUỘC THI SÁNG TẠO KHKT</b>	345.000	600.000	60.000	540.000
IV	<b>KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐỘT XUẤT</b>	239.570	435.000	60.960	374.040
V	<b>CHI CỤC TC - ĐL - CL</b>	567.000	640.000	64.000	576.000
1	Quản lý tiêu chuẩn		140.000	14.000	126.000
2	Quản lý chất lượng		120.000	12.000	108.000
3	Quản lý đo lường		110.000	11.000	99.000
4	Hoạt động TBT, thông tin		90.000	9.000	81.000
7	Hội nghị tập huấn triển khai các VB QPPL về TĐC		30.000	3.000	27.000
8	Bổ sung, cập nhật dữ liệu phần mềm quản lý		10.000	1.000	9.000
11	Thực hiện xây dựng điểm tự quản về TĐC tại các chợ (đào tạo, hỗ trợ trang thiết bị điểm cân đối chứng, tuyên truyền)		20.000	2.000	18.000
12	Triển khai nhiệm vụ Dự án NSCL (hỗ trợ, tập huấn... cho DN)		50.000	5.000	45.000
13	Thực hiện nhiệm vụ khác do Sở giao		70.000	7.000	63.000
3	<b>TRUNG TÂM PT NĂM ĂN VÀ NĂM DL</b>	814.000	840.000	50.000	790.000
1	Lương và phụ cấp	275.000	275.000		275.000
2	Bảo hiểm xã hội, YT, KPCD, TN	65.000	65.000		65.000
3	Chi thường xuyên theo BC	150.000	150.000	15.000	135.000
4	Thực hiện nhiệm vụ sở giao, đào tạo tập huấn nâng cao nhận thức cho dân, mở rộng thị trường	324.000	350.000	35.000	315.000
4	<b>CÁC ĐƠN VỊ THỰC HIỆN THEO THÔNG TƯ 121/2014/BTC-BKHCN</b>	1.635.500	2.500.000	250.000	2.250.000
5	<b>QUỸ PHÁT TRIỂN KHCN</b>	3.000.000	3.000.000		3.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>23.262.000</b>	<b>27.952.000</b>	<b>2.468.000</b>	<b>25.484.000</b>

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH  
TRƯỞNG PHÒNG

*Chuyet*

